

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T O
THÀNH PHỐ H N**

Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

T O, ngày 07 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **N T H M**, sinh năm 1989
Nơi sinh: Thôn C Đ, TT K B, huyện T O, H N.
ĐKNKTT: Thôn T D, xã P T, huyện T O, H N.

Bị đơn: Anh **N V Q**, sinh năm 1987
ĐKNKTT và nơi ở: Thôn T D, xã P T, huyện T O, H N.

*Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;*

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **N T H M** và anh **N V Q**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **N T H M** và anh **N V Q**

thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Chị N T H M và anh N V Q về việc anh N V Q nhận chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N V H, sinh ngày 26/10/2012 cho đến khi cháu H trưởng thành hoặc khi các bên đương sự có yêu cầu mới. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc tự nguyện trợ cấp nuôi con chung là: 1.000.000(một triệu)đồng/01 tháng, tính từ tháng 02 năm 2020 cho đến khi cháu H trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Chị N T H M có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Anh, chị khai nhận không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ kiện này.

- *Về án phí*: Chị N T H M tự nguyện nộp cả 150.000đồng(*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí trợ cấp nuôi con chung. Toàn bộ tiền được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01951 ngày 26 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T O, thành phố H N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND TP H N ;
- VKSND huyện T O;
- THADS huyện T O;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
Thẩm phán

Nguyễn Tiến Hùng